

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST

Ngày 25/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Phạm Thị Kim Lan

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 09/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 29/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công D (D), sinh năm 1991 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: số B, đường L, khu phố D, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp); căn cước công dân số: 082091012549; danh chỉ bản số: 08 lập ngày 21/01/2025 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C sinh năm 1950 (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952 (chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 02 tiền án:

- Bản án Hình sự sơ thẩm Số 86/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt đối với Nguyễn Công D 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong bản án ngày 14/5/2019.

- Bản án Hình sự sơ thẩm Số 29/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt đối với Nguyễn Công D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành xong bản án ngày 19/5/2024.

Tiền sự: có 01 tiền sự: quyết định Số 26/QĐ-XPHC ngày 22/10/2024 Công an P1, thành phố M tỉnh Tiền Giang xử phạt Nguyễn Công D 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nhân thân:

- Bản án Hình sự phúc thẩm Số 63/2010/HSPT ngày 24/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt đối với Nguyễn Công D 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” chấp hành xong bản án ngày 30/8/2013.

- Quyết định Số 12/2017/QĐ-TA ngày 05/4/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Công D thời hạn 02 (hai) năm về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 14/10/2018;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt

2. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1996 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: số B, đường L, khu phố D, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp); căn cước công dân số: 082096005274; danh chỉ bản số: 54 lập ngày 25/4/2025 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (chết) và bà Lê Thị Á, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 01 tiền án: Bản án Hình sự sơ thẩm Số 29/2021/HSST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt đối với Nguyễn Thanh L 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tổng hợp hành hình phạt chấp hành chung đối với hai tội là 05 (năm) năm tù. Chấp hành xong bản án ngày 19/10/2024.

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Quyết định Số 37/2017/QĐ-TA ngày 28/4/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Thanh L thời hạn 02 (hai) năm về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 09/02/2019;

- Quyết định Số 25/2025/QĐ-TA ngày 05/02/2025, của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Thanh L thời hạn 15 (mười lăm) tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc số 25/2025/QĐ-TA ngày 05/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tại Cơ sở cai nghiện ma túy - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T;

3. Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: số A, đường L, tổ C, khu phố F, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp); căn cước công dân số: 082093006811; danh chỉ bản số: 101 lập ngày 07/4/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố M thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh T; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1,

sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không,

Nhân thân:

Bản án Hình sự phúc thẩm Số 436/2011/HSPT ngày 22/7/2011 của Tòa Phúc Thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt đối với Nguyễn Văn M 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”. Chấp hành xong bản án ngày 17/02/2021.

Quyết định Số 51/2025/QĐ-TA ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn văn M thời hạn 01 (một) năm 03 (ba) tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc số 51/2025/QĐ-TA ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tại Cơ sở cai nghiện ma túy - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T;

- Bị hại:

1. Huỳnh Phi Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: số D, đường L, khu phố A, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

2. Tạ Nguyễn Chí H, sinh năm 1995; nơi cư trú: số A, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Hồng Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: số C, đường L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

2. Hồng Thị Phương T1, sinh năm 1994; nơi cư trú: số C, đường L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

3. Võ Tấn T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: số A, đường N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

4. Nguyễn Thị Thảo T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

- Người làm chứng: Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 10 và tháng 12 năm 2024, Nguyễn Công Danh Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn M đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và địa bàn xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/10/2024, Nguyễn Công D rủ Nguyễn Văn M đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, M đồng ý, M điều khiển xe mô tô Biển số 63B9 - 110.45 (xe mô tô của chị Hồng Thị Phương T4 cho anh ruột là Hồng Văn T mượn làm phương tiện đi lại, T đến nhà D sửa điện, sau đó T cho D mượn đi công chuyện) chở D đi ngang Khu vui chơi dành cho trẻ em ở nhà số B - B đường N, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang D phát hiện 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A màu đen của anh Huỳnh Phi Q đang để trên quầy bán nước giải khát sặc pin. Thấy không có ai trông coi nên D kêu M quay xe lại, M dừng đối diện quầy bán nước giải khát để D đi bộ lại quầy bán nước giải khát lấy điện thoại di động, lấy điện thoại xong D ra xe để M chở tẩu thoát khỏi hiện trường. Anh Q phát hiện tài sản bị mất đã đến Công an xã T, thành phố M trình báo. D đem điện thoại về nhà cất giấu thì bị Công an xã T mời làm việc, D và M đều khai hành vi trộm cắp tài sản và D giao nộp điện thoại chiếm đoạt được cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M.

Hiện trường xảy ra vụ án tại Khu vui chơi dành cho trẻ em ở nhà Số B - B đường N, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Công B1, hướng Nam giáp đường hẻm và đất trống của nhà dân, hướng Đông giáp phần đất trống và hướng Tây giáp nhà dân số 223.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô Biển số 63B9 -110.45, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 5P11422019, Số khung: P110BY422028; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A màu đen do Nguyễn Công D giao nộp

Tại Kết luận định giá tài sản Số 69/KL-HĐĐG ngày 26/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9A màu đen, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 21/10/2024 là 2.793.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 04/12/2024, Nguyễn Công D mượn xe mô tô Biển số 63B7 - 068.86 của chị ruột là Nguyễn Thị Thảo T3 để đi chơi, D điều khiển xe đến nhà trọ nơi Nguyễn Thanh L thuê trọ ở Phường F, thành phố M tỉnh Tiền Giang rủ L đi qua thành phố B chơi thì được L đồng ý. L điều khiển xe mô tô Biển số 63B7 - 068.86 chở D qua thành phố B, khi đi qua cầu R thì D nói với L khi qua thành phố B thấy ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. Đến 13 giờ 01 phút cùng ngày, khi chạy ngang qua nhà số A, Khu phố A, phường P, thành phố B D phát hiện xe mô tô Biển số 71C-239.37 của anh Tạ Nguyễn Chí H đang dựng trước sân nhà của anh H nên D chỉ cho L thấy. Do L đã điều khiển qua khỏi nhà anh H nên L điều khiển xe quay lại và dừng xe bên đường Vành đai 173 cảnh giới để D vào lấy xe mô tô. D thấy không có ai trông coi xe và có sẵn khóa khởi động trên xe nên D dắt xe ra lộ nỏ máy, điều khiển xe về thành phố M. L điều khiển xe mô tô Biển số 63B7-068.86 chạy theo sau D sau đó vượt qua D chạy trước về thành phố M. Khi D chạy xe đến cầu R thì xe mô tô Biển số 71C-239.37 bị tắt máy nên D liền xuống xe và lấy thùng đồ trên ba ga bên trong có các dụng cụ và linh kiện sửa chữa máy điện lạnh vứt bỏ xuống sông T và gọi điện

cho L quay lại giữ xe để D đi mua xăng vì nghĩ là xe hết xăng. Trong lúc D đi mua xăng thì L lại khởi động xe (nổ máy) được xe nên điều khiển chạy qua cầu R, D mua được xăng quay lại không thấy L nên cũng điều khiển xe mô tô Biển số 63B7-068.86 chạy qua cầu R về thành phố M gặp lại L. Cả hai chạy xe đến tiệm sửa xe bên đường L (không nhớ tên và địa chỉ) sửa lại xe do bị ngập xăng. Lúc này D bảo L đem xe đến bán cho Võ Tấn T2 là bạn của D. Khi bán D nói với T2 xe không giấy tờ, T2 thấy xe đã cũ nên T2 chỉ mua với giá 1.500.000 đồng, D đồng ý bán. D chia cho L 750.000 đồng rồi chở L về nhà trọ. Sau khi mua được xe này T2 thấy xe đã cũ nên bán lại cho người nữ mua ve chai (không rõ tên và địa chỉ) với giá 1.500.000 đồng. Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 05/12/2024, anh Nguyễn Hữu H2 phát hiện 01 xe mô tô có gắn Biển số 71B1 - 518.46 ở điểm bán hủ tiếu của anh H2 trước cửa nhà số C, Khu phố A, Phường F, thành phố M nhưng không có người đến lấy xe nên anh H2 giao nộp cho Cơ quan Công An. Qua xác minh xe mô tô có Biển số 71C - 239.37 đã bị thay bằng Biển số 71B1 - 518.46, biển số xe mô tô này của bà Lê Thị Trùng D1, bà D1 xác định xe trên đã cho mẹ ruột tên Nguyễn Thị P mượn làm phương tiện đi lại nhưng bà P làm mất xe, không báo cơ quan Công an.

Hiện trường vụ án xảy ra tại tại tiệm S1 ở số A, Khu phố A, phường P, thành phố B. Hướng Đông giáp đường V, hướng Bắc, hướng Nam và hướng Tây giáp các nhà liền kề.

Vật chứng thu giữ:

Anh Nguyễn Hữu H2 giao nộp: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B1 - 518.46, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen, số khung FC30FY154067; số máy 1FC3154038;

Nguyễn Công D giao nộp: 01 (một) xe mô tô Biển số 63B7 - 068.86, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu đen, không có số khung, số máy 55P1 - 099068; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu cam; 01 (một) đôi dép màu đỏ đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 1010/KL-HĐĐG ngày 06/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen, số khung FC30FY154067; số máy 1FC3154038; đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 04/12/2024 là 10.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định Số 217/KL-KTHS ngày 08/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận về số khung và số máy của xe mô tô Biển số 63B7 - 068.86: Số khung: nền kim loại tại vị trí yêu cầu giám định bị tẩy xóa, xác định được các ký tự: 78. Số máy: nền kim loại tại vị trí yêu cầu giám định bị tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại. Các ký tự phát hiện sau giám định: 55P123.

Ngày 09/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen, cho bị hại Huỳnh Phi Q, bị hại Q nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác.

Ngày 09/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 63B9 - 110.45, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 5P11422019, Số khung: P110BY422028 cho chị Hồng Thị Phương T4.

Ngày 29/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS1FC30FY154067; số máy 1FC3154038 cho bị hại Tạ Nguyễn Chí H, bị hại H nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với các vật chứng: 01 (một) Biển số 71B1 - 518.46 và 01 (một) xe mô tô mang Biển số 63B7 - 068.86, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu đen, số khung và số máy bị tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại. Là phương tiện gây án nhưng không được phép lưu hành nên tiếp tục tạm giữ để chuyển giao cho Đơn vị chức năng của Công an tỉnh B xử lý theo quy định.

Đối với 01 (một) áo sơ mi dài tay màu cam; 01 (một) đôi dép màu đỏ đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen là các vật chứng có liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ để xem xét xử lý trong quá trình xét xử vụ án.

Bị hại Huỳnh Phi Q đã nhận lại tài sản bị mất trộm là điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen nên không yêu bồi thường.

Bị hại Tạ Nguyễn Chí H đã nhận lại tài sản bị mất trộm là xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37 nên không yêu bồi thường.

Quá trình điều tra, Nguyễn Công D, Nguyễn Thanh L và Nguyễn Văn M khai nhận phù hợp với nhau hành vi phạm tội, lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKSTPBT ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Công D từ 03 đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp, ghi nhận:

Ngày 09/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen, cho bị hại Huỳnh Phi Q, bị hại Q nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác.

Ngày 09/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 63B9 -110.45, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 5P11422019, Số khung: P110BY422028 cho chị Hồng Thị Phương T4.

Ngày 29/4/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS1FC30FY154067; số máy 1FC3154038 cho bị hại Tạ Nguyễn Chí H, bị hại H nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B: 01 (một) xe mô tô mang Biển số 63B7 - 068.86, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu đen, số khung và số máy bị tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại để xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay màu cam; 01 (một) đôi dép màu đỏ đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) Biển số 71B1 - 518.46.

Bị hại Huỳnh Phi Q đã nhận lại tài sản bị mất trộm là điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen nên không yêu bồi thường.

Bị hại Tạ Nguyễn Chí H đã nhận lại tài sản bị mất trộm là xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37 nên không yêu bồi thường.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Ngày 04/12/2024, Nguyễn Công D và Nguyễn Thanh L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Biển số 71C3-239.37 có giá trị là 10.000.000 đồng của anh Tạ Nguyễn Chí H tại nhà số A, Khu phố A, Phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, ngày 21/10/2024, Nguyễn Công D và Nguyễn Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu đen có giá trị là 2.793.000 đồng của anh Huỳnh Phi Q tại Khu vui chơi trẻ em ở nhà số B, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Công D chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Phi Q và bị hại Tạ Nguyễn Chí H là 12.793.000 đồng. Giá trị tài sản Nguyễn Thanh L chiếm đoạt của bị hại Tạ Nguyễn Chí H là 10.000.000 đồng. Giá trị tài sản Nguyễn Văn M chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Phi Q là 2.793.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Trong đó bị cáo D có 02 tiền án và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng lại cố ý cùng với Nguyễn Thanh L lén lút chiếm đoạt của bị hại Tạ Nguyễn Chí H trị giá 10.000.000 đồng, cùng với Nguyễn Văn M lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Huỳnh Phi Q trị giá 2.793.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi các bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo D có 02 tiền án, 01 tiền sự và nhiều lần bị kết án, bị xử phạt hành chính; bị cáo L có 01 tiền án và đã nhiều lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo M không có tiền án tiền sự nhưng đã từng bị kết án và bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo bị cáo M không có; bị cáo D 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo L có 01 tiền án chưa được xóa nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo M, bị cáo L được áp dụng thêm tình tiết “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm, trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo D là người khởi xướng và là người thực hành trong cả hai vụ trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Thanh L và Nguyễn Văn M là người giúp sức, mỗi người thực hiện một vụ.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen, cho bị hại Huỳnh Phi Q; đã trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 63B9 -110.45 cho chị Hồng Thị Phương T4; đã trả lại trả lại trả lại 01 (một) xe mô tô Biển số 71C1 - 239.37, nhãn hiệu YAMAHA cho bị hại Tạ Nguyễn Chí H.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long): 01 (một) xe mô tô mang Biển số 63B7 - 068.86, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu đen, số khung và số máy bị tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại để xác minh, làm rõ chủ sở hữu xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay màu cam; 01 (một) đôi dép màu đỏ đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) Biển số 71B1 - 518.46.

[7] Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận: Bị hại Huỳnh Phi Q, Tạ Nguyễn Chí H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

[8] Đối với Võ Tân T5 mua xe mô tô của D và L nhưng T5 không biết nguồn gốc xe; Hồng Văn T cho D mượn xe mô tô Biển số 63B9 - 110.45 anh T không biết D và M dùng phương tiện đi trộm cắp tài sản; Nguyễn Thị Thảo T3 cho D mượn xe mô tô Biển số 63B7 - 068.86 chị T6 không biết D và L dùng phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.1 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 03 (ba) năm 6 (sáu) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2024.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long): 01 (một) xe mô tô mang Biển số 63B7 - 068.86, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu đen, số khung và số máy bị tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại để xác minh, làm rõ chủ sở hữu xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay màu cam; 01 (một) đôi dép màu đỏ đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) Biển số 71B1 - 518.46.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2025).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo mỗi bị cáo Nguyễn Công D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn M nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bến Tre; (1b);
- UBND P.6, TP. Mỹ Tho (1b);
- Bị cáo, NTGTT (7b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (9b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình